| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ MỚI**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 116/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Ngô Thị Lắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: số nhà 678, tổ 21, ấp Ai, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Ngô Văn D, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày,* bà H và ông D do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 09/10/2006. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 01 con chung tên Ngô Thị Kiều O, sinh ngày

07/7/2007. Hiện tại, cháu O đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi nhau, ông D và bà H phát sinh bạo lực gia đình. Mâu thuẫn này địa phương không biết do không có trình báo. Bà H và ông D không còn sống chung với nhau từ năm 2008, không tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông D; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Ngô Thị Kiều O, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là Tờ tự khai của bà Trương Thị H; giấy khai sinh số 289, quyển số 02, ngày 23/8/2007 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chợ Mới cấp đối với Ngô Thị Kiều O (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn số 197, ngày 09/10/2006 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp cho ông Ngô Văn D và bà Trương Thị H (bản sao).

- Bị đơn ông Ngô Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Trương Thị H có đơn yêu cầu được vắng mặt xét xử và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị H và ông Ngô Văn D; bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Ngô Thị Kiều O, sinh ngày 07/7/2007, ông D không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn D. Đồng thời, ông D cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trương Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Ngô Văn D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông D theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Trương Thị H khai, bà H và ông D do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 09/10/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà H xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, bà H và ông D có hành vi bạo lực gia đình. Bà H và ông D không còn sống chung với nhau từ năm 2008 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà H và ông D thường xuyên cãi vã và không còn sống chung năm 2008 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông D nhưng ông D không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà H. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông D là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Ngô Thị Kiều O, sinh ngày 07/7/2007. Bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Mặt khác, cháu O có nguyện vọng được chung sống cùng với bà H. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu O cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu O nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị H được ly hôn với ông Ngô Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 197, ngày 09/10/2006 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp cho ông Ngô Văn D và bà Trương Thị H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Trương Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Thị Kiều O, sinh ngày 07/7/2007. Ông Ngô Văn D không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Trương Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Ngô Văn D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trương Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015005 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 30 tháng 01 năm 2024; bà Trương Thị H đã nộp đủ án phí.

Ông Ngô Văn D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết, bà Trương Thị H, ông Ngô Văn D có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự*

*nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Lắm**